

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-PT

Ngày 04-6-2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng  
đất và tài sản gắn liền với đất và  
tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà  
nước thu hồi.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Đức Chiến;

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Xuân Sơn;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi". Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 03/2020/QĐPT-DS ngày 06/5/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/QĐ-PT ngày 22/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lãng Văn C. Nơi cư trú: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Lương Thị Kim M, Luật sư Văn phòng luật sư K - Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Số 11, đường C, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Các bị đơn:*

1. Ông Lãng Văn H;

2. Ông Lãng Văn T;

3. Ông Nông Văn N;

4. Ông Lãng Văn C1;

5. Ông Lãng Văn T;

6. Bà Phạm Thị P;

7. Ông Lãng Văn V;

Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; đều có mặt.

8. Ông Vy Văn T; người đại diện theo ủy quyền của ông Vy Văn T là bà Vy Thu N (giấy ủy quyền ngày 26 tháng 9 năm 2019); nơi cư trú: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Thường trú: Số nhà 47, ngõ 1 đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn (nêu trên): Ông Nguyễn Huy X-Luật sư Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số nhà 29, ngõ 68, phường D, quận C, thành phố H, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Mã Thị S; chị Vi Thị V, chị Chu Thị Q. Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Bà Hà Thị P; anh Nông Văn T; chị Triệu Thị D, anh Lãng Văn T, anh Lãng Thế V, anh Lãng Văn K, bà Ty Thị C, anh Lãng Văn K, anh Vi Văn N, chị Hoàng Thị M, bà Lãng Thị S, anh Lãng Văn H, anh Nông Văn T, chị Nông Thị D, bà Hoàng Thị C, chị Tô Thị N, chị Lương Thị Hồng V, anh Lãng Đình Q, chị Hà Thị K, chị Lương Thu H. (Đều vắng mặt).

Anh Lãng Văn D, anh Lãng Chiến T, anh Lãng Thanh H, đều cùng nơi cư trú: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị C, chị Tô Thị N, chị Lương Thị Hồng V, chị Hà Thị K, chị Lương Thu H là ông Lãng Văn C (theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2019). có mặt ông Lãng Văn C.

- *Đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lạng Sơn:* Ông Hoàng Sơn L; vắng mặt.

- *Đại diện Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Lộc Bình:* Ông Nguyễn Văn T, Phó Giám đốc (Giấy ủy quyền số 256/CV-CT ngày 24/8/2019). Địa chỉ: Số 06 khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người giám định:* Ông Hoàng Văn T; ông Đàm Văn T; nơi công tác: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C; Lãng Văn T; Vy Văn T, Lãng Văn V và bà Phạm Thị P là bị đơn;

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày

20/12/2018, bản tự khai và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lãng Văn C trình bày: Thực hiện chủ trương phủ xanh đất trống, đồi núi trọc theo dự án số 327 của Chính phủ. Trong các năm 1994, 1995 Ủy ban nhân dân thị xã L (nay là thành phố L) ban hành quyết định số 337 và quyết định số 439/UB-QĐ ngày 10/4/1995 giao cho ông làm đại diện cho 08 hộ dân, thôn N - LM (nay là thôn H) xã H, thành phố L nhận 86,3 ha đất trống, đồi núi trọc với Lâm trường C, tỉnh Lạng Sơn để trồng rừng theo dự án. Do được Lâm trường C hỗ trợ về cây giống và được thanh toán công trồng cây, nên sau khi nhận đất, với vai trò là tổ trưởng ông đã huy động các hộ gia đình cùng trồng thông phủ kín toàn bộ đất được giao đến từng hộ và sau đó bàn giao cho các hộ gia đình tự quản lý sử dụng; cụ thể: Hộ ông Lãng Văn H canh tác địa danh Lộ S, diện tích 4,6 ha và địa danh Lộ P là 3,7 ha. Hộ ông Lãng Văn T canh tác địa danh Pò T, diện tích 4,6 ha và địa danh Lộ P diện tích 2,7 ha (hiện nay hai anh em của anh T đang canh tác). Hộ ông Nông Văn N canh tác địa danh Lèo V, diện tích 2,2ha và địa danh Lộ P, diện tích 3,3 ha. Hộ ông Nông Văn C (đã chết) nay bà Phạm Thị P đang canh tác địa danh Lèo V, diện tích 2,2ha và địa danh Tu P, diện tích 2,7 ha. Hộ ông Lãng Văn C canh tác địa danh Lộ S, diện tích 4,4 ha và địa danh Tu P, diện tích 2,7 ha. Hộ ông Lãng Văn T canh tác địa danh Sai B, diện tích 2,3 ha và địa danh Then M, diện tích 02 ha. Hộ ông Vy Văn T canh tác địa danh Thâm C, diện tích 3,7 ha và phía sau Thâm C diện tích 02 ha. Hộ ông Lãng Văn V canh tác địa danh Tắc T, diện tích 2,5 ha và con trai ông Chỉ là Lãng Văn D canh tác địa danh Lộ P, diện tích 3,8 ha và ông nhận hai địa danh Lộ T là 6,5 ha, Pò B 5,2 ha. Về diện tích 6,5 ha tại địa danh Lộ T nay là các thửa đất số 01, 21, 53, tờ bản đồ địa chính số 24 xã H, ông cho rằng năm 1995, ông Lãng Văn Ch đại diện hộ gia đình đứng ra nhận đất và chăm sóc, quản lý số cây thông, cây sồi trên đất và ký hợp đồng khoán bảo vệ số 12 ngày 25/2/1995 với Lâm trường C. Gia đình quản lý, canh tác ổn định đến ngày 20/4/2018, Ủy ban nhân dân thành phố L có Thông báo số 474/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án thi công đường cao tốc B- L, đoạn từ cửa khẩu H - C tới gia đình để phối hợp điều tra, khảo sát, đo đạc lập phương án bồi thường và hỗ trợ thì tám hộ gia đình nêu trên cho là đòi rừng chung của 08 hộ nên nảy sinh tranh chấp. Nay ông Lãng Văn C yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích là 58.477,2m<sup>2</sup> (theo kết quả đo đạc thực tế ngày 11/6/2019); trong đó diện tích bị thu hồi là 45.586,4m<sup>2</sup> và diện tích không bị thu hồi là 12.890,8m<sup>2</sup>, trên đất có 1.083 cây thông và 269 cây sồi thuộc các thửa đất 01, 21, 53 bản đồ địa chính xã H, vì gia đình ông đã được giao đất theo quyết định số 439/UB-QĐ ngày 10/4/1995 của Ủy ban nhân dân thị xã L (nay là thành phố L) và sử dụng ổn định từ năm 1995 đến tháng 8/2018 mới xảy ra tranh chấp.

- Các bị đơn: Ông Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn Tân; Vy Văn Thèo; Lãng Văn V và Phạm Thị P đều không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và yêu cầu chia đều diện tích đất, cây trồng trên đất, tiền bồi thường với lý do: Năm 1993, 1994 khi Nhà nước triển khai dự án 327 về việc trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Khi triển khai dự án các hộ trực tiếp đứng ra nhận đất với đại diện UBND xã để trồng thông, ông Lãng Văn C được bầu làm tổ trưởng đứng ra nhận cây giống với Lâm trường để giao cho các hộ trồng thông, thanh toán tiền công cho các thành viên tham gia trồng. Việc ông

Lăng Văn C trình bày đã giao đất cho các hộ tại các địa danh nêu trên là không có căn cứ, bởi thực tế các hộ không được canh tác thửa đất và diện tích như ông Lăng Văn C đã nêu.

Về diện tích đất rừng tại địa danh Lộ T đang tranh chấp các hộ cho rằng: Năm 1995, ông Lăng Văn C làm đại diện cho 08 hộ nhận với Lâm trường 6,5 ha đất. Sau khi nhận đất các hộ đều cử thành viên trong gia đình để trông thông và cây sớ và quản lý chung. Từ năm 1995 hộ ông Lăng Văn C và cả 08 hộ đều chưa trồng thêm bất cứ cây nào trên đất và từ năm 2017 đến nay có 04 hộ gia đình ông Lăng Văn Hồng, Lăng Văn C1 và Lăng Văn N và hộ ông Lăng Văn C cùng chung khai thác nhựa thông.

Căn cứ kết quả đo đạc thực tế ngày 11/6/2019 của các cơ quan chuyên môn xác định diện tích đất và tài sản gắn liền với đất trong diện bị thu hồi tại các thửa đất số 01, 21, 53, tờ bản đồ địa chính số 24 xã H, thành phố L là 45.586,4m<sup>2</sup> trên đất có 895 cây thông và 269 cây sớ, và diện tích đất không trong diện thu hồi là 12.890,8m<sup>2</sup> trên đất có 188 cây thông. Tổng diện tích là 58.477,2m<sup>2</sup>.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố L*: Ngày 07/01/2019 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố L đã ban hành Thông báo số 21/TB-PTQĐ thông báo niêm yết công khai phương án dự kiến, bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc B - L kèm theo phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ diện tích 45.586,4m<sup>2</sup> cho 10 hộ gia đình đang tranh chấp với tổng giá trị bồi thường về đất là 547.036.800 đồng và giá trị bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu là 98.722.000 đồng. Tổng giá trị được bồi thường, hỗ trợ là 645.758.800 đồng. Tuy nhiên, ngày 05/3/2019 Công ty Cổ phần BOT B - L - HN có công văn số 148/CV-BGLSHN, nội dung: Tạm dừng phê duyệt mới các phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án đến khi Chủ đầu tư có văn bản đề xuất tiếp tục giải phóng mặt bằng. Với nội dung của văn bản trên, Trung tâm phát triển quỹ đất đã tạm dừng không trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình bị ảnh hưởng trong đó có diện tích đất và tài sản trên đất của ông Lăng Văn C và 09 hộ cùng kê khai.

*Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp L*: Thực hiện Quyết định số 377/QĐ/HĐTV/TCLĐ ngày 18/8/2015 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam về việc Tách, chuyển Trạm Lâm nghiệp C thuộc Công ty lâm nghiệp Thái N cho Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp L (Trạm lâm nghiệp C trước đây thuộc Lâm trường C tỉnh Lạng Sơn). Sau khi nghiên cứu và triển khai văn bản số 2381 ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn về cung cấp thông tin liên quan đến quyết định giao đất và quá trình quản lý sử dụng diện tích rừng và đất rừng đang tranh chấp của các đương sự. Công ty đã cử cán bộ tiến hành tìm các tài liệu hồ sơ có liên quan đến vụ án để phục vụ giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các hộ ông Lăng Văn C, Lăng Văn H, Lăng Văn Th, Nông Văn N, Lăng Văn C1, Lăng Văn T, Vy Văn T, Lăng Văn V, Phạm Thị P. Kết quả không tìm thấy các hồ sơ, giấy tờ văn bản có liên quan đến các hộ nêu trên.

- *Ý kiến của giám định viên tư pháp*: Thực hiện quyết định trưng cầu giám định số 06/2019/QĐ-TCGD ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Trên cơ sở thu thập các thông tin của đối tượng giám định, hồ sơ, tài liệu chứng cứ liên quan đến đối tượng giám định; Giám định viên đã kết luận:

1. Các thửa đất số 01, 21, 53, tổng diện tích 64.628m<sup>2</sup> (6,46 ha) bản đồ địa chính số 24 xã H đo đạc năm 2001, tỷ lệ 1/1000, **là một, cùng vị trí với lô số 74** của bản đồ giao đất lâm nghiệp xã H, tỷ lệ 1/10.000, diện tích 6,2ha được ghi trong sổ thống kê diện tích thôn L mang tên Lăng Văn C (đại diện thôn) theo quyết định 439/UB-QĐ ngày 10/4/1995; trên tờ bản đồ địa chính (*ảnh hàng không*) số 01, xã H (bản đồ đất lâm nghiệp) đo năm 2009 - 2010, tỷ lệ 1/10.000 là các thửa số 770, thửa số 835 và thửa số 887; tổng diện tích 70.017 m<sup>2</sup> (7,0 ha). Như vậy **cả ba loại bản đồ đều trùng khớp về vị trí**, tuy nhiên về diện tích có sự chênh lệch là do phụ thuộc vào phương pháp đo vẽ và tỷ lệ bản đồ đo đạc. Thửa đất mang số hiệu trên bản đồ địa chính số 85 được ghi trong sổ thống kê diện tích theo quyết định 439/UB-QĐ ngày 10/4/1995 mang tên Lăng Văn C ghi cùng dòng với lô 74 của bản đồ giao đất lâm nghiệp là một.

2. Trên bản đồ giao đất lâm nghiệp xã H, tỷ lệ 1/10.000 không tìm thấy lô a khoảnh 2 tiểu khu 338. Tuy nhiên theo kết quả giao đất cho thấy năm 1994, giao theo quyết định số 337-QĐ là 38,1 ha (địa danh Tắc C); năm 1995 giao theo quyết định số 439/UB-QĐ là 48,2 ha (địa danh Còn T, Lọ T, Lọ M). Do vậy, khẳng định năm 1994 giao đất theo quyết định số 337-QĐ không phải là một, cùng một vị trí với các thửa đất số 01, 21, 53, tổng diện tích 64.628m<sup>2</sup> (6,46 ha) tờ bản đồ địa chính số 24 xã H, không trùng với diện tích 6,5 ha được ghi trong hợp đồng khoán bảo vệ rừng số 12/HĐK ngày 25/02/1995 giữa Lâm trường C và ông Lăng Văn C.

Với nội dung nêu trên, bản án sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của TAND thành phố Lạng Sơn đã tuyên.

Căn cứ vào các Điều 158; 164, 189 và khoản 1 Điều 221 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100; 166 và 170 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, Điều 161; Điều 165 và Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Hộ ông Lăng Văn C được tiếp tục, quản lý và sử dụng các thửa đất số 01, 21, 53 bản đồ địa chính số 24 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, tổng diện tích đất là 58.477,2m<sup>2</sup> và được sở hữu 1.083 cây thông, 269 cây sồi và các loại cây tạp khác. Vị trí thửa đất như sau: Phía Bắc giáp thửa số 52 hộ Phùng Văn H và thửa số 02 hộ Phùng Thị L; phía Nam giáp đất hộ Phùng Văn N; hộ Phùng Văn C; Mã Văn L; Vi Văn C; Phùng Văn H và đường giao thông; phía Đông giáp đất hộ Hoàng Văn T; Hoàng Văn L và Phùng Thị L; phía Tây giáp đất hộ Mã Văn L và Phùng Văn H (có mảnh trích đo kèm theo).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, hộ ông Lăng Văn C có quyền kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục chung.

2. Buộc các bị đơn Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V và Phạm Thị P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chấm dứt hành vi tranh chấp.

3. Về chi phí thẩm định, định giá và giám định: Các bị đơn ông Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V và Phạm Thị P, mỗi bị đơn phải nộp 3.604.000 đồng (ba triệu sáu trăm linh bốn nghìn) để hoàn trả cho ông Lãng Văn C.

4. Về án phí: Các bị đơn Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V và Phạm Thị P, mỗi bị đơn phải chịu 4.568.300 đồng (bốn triệu năm trăm sáu tám nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm loại có giá ngạch để nộp Ngân sách Nhà nước. Trả lại ông Lãng Văn C 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2012/03025 ngày 10/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi xuất chậm trả, quyền kháng cáo, Luật thi hành án của các đương sự theo quy định.

Trong thời hạn luật định các bị đơn Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V và Phạm Thị P kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị và đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 25/02/2020 nguyên đơn ông Lãng Văn C, có đơn yêu cầu cấp phúc thẩm giám định bổ sung tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1995, địa danh Lọ T, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Tại bản Kết luận giám định tư pháp ngày 24/4/2020 của của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi tiến hành quét, chụp, số hóa tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1995, tiến hành thực hiện chõng, ghép vào mảnh trích đo số 01-2019 ngày 20/6/2019 nhận thấy: Vị trí các thửa đất số 01; 21; 53 tờ bản đồ số 24, tỷ lệ 1:1000, xã Hoàng Đồng có vị trí cơ bản thuộc các thửa đất số 72, 73, 74 tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1995 xã Hoàng Đồng (có sơ đồ chõng, ghép kèm theo).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lãng Văn C, tự nguyện đồng ý thỏa thuận ông được quản lý sử dụng thửa đất số 01(72) và 21(73) tờ bản đồ địa chính số 24 xã H, thành phố L có tổng diện tích là 51.446m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản (cây) trên đất, theo sơ đồ của Bản kết luận giám định tư pháp ngày 24/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn. Đối với thửa đất số 53 tờ bản đồ địa chính số 24 xã H, thành phố L có tổng diện tích là 6,2 ha thuộc thửa đất số 74, địa danh Lọ T là của 10 người được quản lý sở hữu chung gồm các ông bà sau: Ông Lãng Văn C; Lãng Văn D; Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V và bà Phạm Thị P được quản lý sử dụng và sở hữu chung toàn bộ diện tích đất và cây trên đất. Về chi phí thẩm định, định giá chia đều cho 10 người cùng chịu. Về chi phí giám định Tư pháp lần 1 lần 2 và án phí dân sự sơ thẩm ông Lãng Văn C tự nguyện chịu toàn bộ.

Các bị đơn ông Lãng Văn H Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V và bà Phạm Thị P cũng đồng ý nhất trí thỏa thuận với ý kiến của ông Lãng Văn C.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn cũng nhất trí với sự thỏa thuận của các bên đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án dân sự sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Về nội dung kháng cáo: Ông Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V và bà Phạm Thị P kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, được coi là hợp lệ. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn trong thời hạn luật định, nên kháng nghị là hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau, ông Lãng Văn C được quản lý sử dụng thửa đất số 01 (tức thửa 72) và thửa số 21 (tức thửa 73) tờ bản đồ địa chính số 24 xã H, thành phố L và toàn bộ tài sản (cây) trên đất. Thửa đất đang tranh chấp số 53 địa danh Lọ T, tờ bản đồ địa chính số 24 xã H, thành phố L có tổng diện tích là 6,2 ha thuộc thửa đất số 74 các ông Lãng Văn C; Lãng Văn D; Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V và bà Phạm Thị P được quản lý sử dụng và sở hữu chung toàn bộ diện tích đất và cây trên đất, theo sơ đồ của Bản kết luận giám định tư pháp ngày 24/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn. Về chi phí thẩm định, định giá chia đều cho 10 người cùng chịu. Về chi phí giám định Tư pháp và án phí dân sự sơ thẩm ông Lãng Văn C tự nguyện chịu toàn bộ. Việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn, bị đơn. Tuy nhiên họ đã có đơn xin xử vắng mặt và có văn bản ủy quyền. Hơn nữa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Ý kiến của nguyên đơn, các bị đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Nguyên đơn ông Lãng Văn C khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất 6,5 ha thuộc các thửa đất số 01; 21; 53 Bản đồ địa chính số 24 xã Hoàng Đồng có địa danh Lọ T, thuộc thôn Lục M, xã H, trên đất có 895 cây

thông, 1.269 cây sớ. Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn thụ lý giải quyết vụ án với quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi” là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn ông Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V, và bà Phạm Thị P, Hội đồng xét xử thấy rằng; yêu cầu kháng cáo của các bị đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng chung diện tích đất 6,2 ha thuộc thửa đất số 53 (tức thửa 74) Bản đồ địa chính số 24 xã H có địa danh Lọ T, thuộc thôn Lục M, xã H, trên đất có các cây Thông do nguyên đơn và các bị đơn trồng chung, theo sơ đồ của Bản kết luận giám định tư pháp ngày 24/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn là có cơ sở.

[4] Đối với kháng nghị số 56/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, sau khi nhận được Bản kết luận giám định tư pháp ngày 24/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, cụ thể như sau: Nguyên đơn ông Lãng Văn C, tự nguyện đồng ý thỏa thuận ông được quản lý sử dụng thửa đất số 01 (tức thửa 72) và thửa số 21 (tức thửa 73) tờ bản đồ địa chính số 24 xã H, thành phố L và toàn bộ tài sản (cây) trên đất, theo sơ đồ của Bản kết luận giám định tư pháp ngày 24/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn. Đối với thửa đất số 53 (tức thửa 74) tờ bản đồ địa chính số 24 xã H, thành phố L đang tranh chấp có tổng diện tích 6,2 ha, địa danh Lọ T, thuộc thôn Lục M, xã H trên đất có các cây Thông do nguyên đơn và các bị đơn trồng năm 1995, nên nguyên đơn và các bị đơn được quản lý sử dụng và sở hữu chung toàn bộ diện tích đất và cây trên đất, trong đó có diện tích 13.182m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 74, theo sơ đồ của Bản kết luận giám định tư pháp ngày 24/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá ông Lãng Văn C đã nộp tạm ứng tổng số tiền là 27.682.000 đồng nay nguyên đơn và các bị đơn cùng chịu chung. Về chi phí giám định Tư pháp lần 1 với lần 2 và án phí dân sự sơ thẩm ông Lãng Văn C tự nguyện chịu toàn bộ. Các bị đơn ông Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V và bà Phạm Thị P cũng đồng ý nhất trí thỏa thuận với ý kiến của ông Lãng Văn C.

[6] Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 5; Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và các bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.



[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Lãng Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông Lãng Văn C đã nộp đủ.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên các bị đơn ông Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V, bà Phạm Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại các bị đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

[10] Về chi phí tố tụng: Ông Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V và bà Phạm Thị P, mỗi người phải chịu 2.765.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để trả cho ông Lãng Văn C và phải chịu lãi xuất chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[11] Ông Lãng Văn C và ông Lãng Văn D mỗi người phải chịu 2.781.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo thỏa thuận. Xác nhận ông Lãng Văn C và ông Lãng Văn D đã nộp đủ.

[12] Về chi phí giám định Tư pháp lần 1 với lần 2 ông Lãng Văn C tự nguyện chịu toàn bộ. Xác nhận ông Lãng Văn C đã nộp đủ.

[13] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5; Điều 300; khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cụ thể như sau:

**1.** Nguyên đơn ông Lãng Văn C, được quản lý sử dụng thửa đất số 01 (tức thửa số 72) và thửa số 21 (tức thửa số 73) tờ bản đồ địa chính số 24 xã H, thành phố L có tổng diện tích là 51.446m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản (cây) trên đất, theo sơ đồ của Bản kết luận giám định tư pháp ngày 24/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn. (có sơ đồ kèm theo). Ông Lãng Văn C có quyền kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục chung.

**2.** Ông Lãng Văn C; Lãng Văn D; Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V và bà Phạm Thị P được quyền quản lý sử dụng và sở hữu chung toàn bộ diện tích thửa đất số 53 (tức thửa đất số 74) địa danh Lộ T, tờ bản đồ địa chính số 24 xã H, thành phố L có tổng

diện tích 6,2 ha và số cây trên đất, theo sơ đồ của Bản kết luận giám định tư pháp ngày 24/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn (có sơ đồ kèm theo). Các đương sự có quyền kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục chung.

**3. Về chi phí tố tụng:** Ông Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V và bà Phạm Thị P, mỗi người phải chịu 2.765.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để trả cho ông Lãng Văn C và phải chịu lãi xuất chậm trả tiền, theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Lãng Văn C và ông Lãng Văn D mỗi người phải chịu 2.781.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo thỏa thuận. Xác nhận ông Lãng Văn C và ông Lãng Văn D đã nộp đủ.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Lãng Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông Lãng Văn C đã nộp, theo biên lai số AA/2012/03025 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

**5. Về án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Lãng Văn H; Lãng Văn T; Nông Văn N; Lãng Văn C1; Lãng Văn T; Vy Văn T; Lãng Văn V, bà Phạm Thị P không phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại các ông, bà (nêu trên) số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai các số AA/2015/0001997; AA/2015/0001998; AA/2015/0001999; AA/2015/0002000; AA/2015/0002002; AA/2015/0002003; AA/2015/0002004 và AA/2015/0002005 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**6. Về chi phí giám định Tư pháp:** Ông Lãng Văn C tự nguyện chịu toàn bộ. Xác nhận ông Lãng Văn C đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP L, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Đức Chiến**

**CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Xuân Sơn**

**Nguyễn Thị Minh Thùy**

**Cao Đức Chiến**

